

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP**

**Kết thúc ngày 30/06/2015**

**Được kiểm toán bởi:**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG-T.D.K**



## MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	1 - 2
2	<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	3 - 4
3	<b>Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được kiểm toán</b>	
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>	5 - 7
	<i>Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	8 - 9
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ</i>	10 - 11
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ</i>	12 - 36



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần NAFOODS GROUP trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015.

**Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần NAFOODS GROUP (sau đây gọi tắt là "Công ty") được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900326375 lần đầu ngày 29 tháng 06 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 27 tháng 05 năm 2015.

Trụ sở chính: Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan; phường Quán Bàu; thành phố Vinh; tỉnh Nghệ An.  
Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng.

**Các đơn vị thành viên của Công ty tại ngày lập báo cáo****Công ty con**

Công ty CP Chanh leo NAFOODS  
( trước đây là Công ty CP Đầu tư và  
Phát triển Nông nghiệp NAPAGA)  
Công ty CP Gác Tân Thắng

**Địa chỉ**

Số 47, Nguyễn Cảnh Hoan, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.  
Xã Tân Thắng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

**Công ty liên doanh, liên kết**

Công ty CP Dược liệu Quế Phong  
Công ty CP Nông Nghiệp La Giang  
Công ty CP Chăn nuôi Tân Thắng  
Công ty CP Giống Nafoods  
Công ty CP Đầu tư Phúc Minh  
Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An

**Địa chỉ**

Bản DI Minh Châu, Xã Tri Lễ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.  
Tổ dân phố 6, Thị trấn Đức Thọ, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam.  
Xóm Bắc Thắng, Xã Tân Thắng, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.  
Bản DI Minh Châu, Xã Tri Lễ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.  
Số 162A Nguyễn Tuân, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.  
Số 47, Nguyễn Cảnh Hoan, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

**Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tại ngày lập báo cáo**

Các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch HĐQT
Bà Phan Thị Minh Châu	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Ủy viên HĐQT

9 - C  
GIAO  
ỨNG K  
HÀNH  
Ổ CHÍ  
- TP.

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Tổng Giám đốc

Bà Phan Thị Minh Châu

Giám đốc điều hành

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty trong những năm tiếp theo.

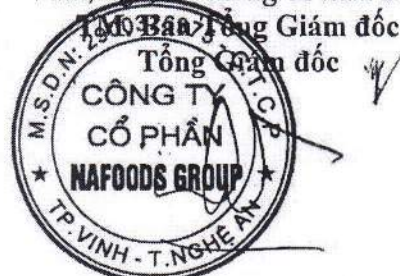
**Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng ngoài sự kiện phát sinh sau năm tài chính nêu trên, không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

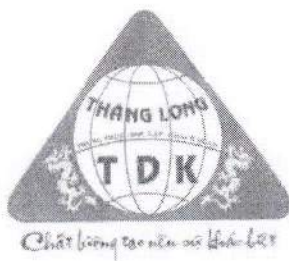
Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vinh, ngày 28 tháng 08 năm 2015



Nguyễn Mạnh Hùng

T. T.  
DỊCH  
HOÁN  
PHỔ  
MINH  
Đ. C.



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Trụ sở chính tại Hà Nội: Số 11, TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT - CARN, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. - Tel: (04) 44 500 668 - Fax: (04) 44 500 669  
Chi nhánh Miền nam: C14, Quang Trung, phường 11, Quận 11, TP. HCM. - Tel: (08) 3 589 7462 - Fax: (08) 3 589 7464  
Chi nhánh Quận 1 - TP. HCM: Số 25 Đường Tân, quận 1, TP. HCM. - Tel: (08) 2 848 0763 - Fax: (08) 2 848 0763  
Chi nhánh Đà Nẵng: Số 42 Trần Tông, TP. Đà Nẵng. - Tel: (05) 11 651 818 - Fax: (05) 11 651 868  
Chi nhánh Lạng Sơn: P.2, khối 14, đường Bà Triệu. - Tel: (02) 53 718 545 - Fax: (02) 53 716 264

Số: 117.2/2015/BCKT - TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ năm 2015 của Công ty Cổ phần NAFOODS GROUP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần NAFOODS GROUP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần NAFOODS GROUP được lập ngày 25/08/2015 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 04 đến trang 36 kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu đo gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi



***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần NAFOODS GROUP tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 07 tháng 09 năm 2015

**Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K**

**Phó Tổng Giám đốc**



**NGUYỄN TRUNG KIÊN**

Giấy chứng nhận hành nghề kiểm toán  
Số: 1129-2014-045-1

**Kiểm toán viên**

**NGUYỄN TIẾN THÀNH**

Giấy chứng nhận hành nghề kiểm toán  
Số: 1706-2014-045-1

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần NAFOODS GROUP tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 07 tháng 09 năm 2015

**Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K**

**Phó Tổng Giám đốc**



**NGUYỄN TRUNG KIÊN**

Giấy chứng nhận hành nghề kiểm toán  
Số: 1129-2014-045-1

**Kiểm toán viên**

**NGUYỄN TIẾN THÀNH**

Giấy chứng nhận hành nghề kiểm toán  
Số: 1706-2014-045-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2015	Tại ngày 01/01/2015
1	2	3	4	5	
<b>A Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>391.325.456.259</b>	<b>135.874.466.589</b>	
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>13.975.053.331</b>	<b>21.359.746.729</b>	
1 Tiền	111		13.975.053.331	21.359.746.729	
<b>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>144.060.942.747</b>	<b>14.757.807.823</b>	
1 Đầu tư ngắn hạn	121		144.060.942.747	14.757.807.823	
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>177.124.035.736</b>	<b>75.346.633.724</b>	
1 Phải thu khách hàng	131	V.03	158.669.866.219	41.951.915.995	
2 Trả trước cho người bán	132	V.04	23.408.197.188	21.182.596.697	
5 Các khoản phải thu khác	138	V.05	1.565.863.127	18.201.492.582	
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(6.519.890.798)	(5.989.371.550)	
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>33.221.141.387</b>	<b>11.242.340.233</b>	
1 Hàng tồn kho	141	V.06	33.221.141.387	11.242.340.233	
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>22.944.283.058</b>	<b>13.167.938.080</b>	
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	2.991.831	
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.469.810.465	3.313.528.439	
3 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		1.608.558	-	
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	14.472.864.035	9.851.417.810	
<b>B Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>104.074.703.886</b>	<b>39.380.147.442</b>	
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>29.036.480.941</b>	<b>23.512.974.551</b>	
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	25.744.777.405	21.665.110.397	
- Nguyên giá	222		31.099.681.743	29.098.372.016	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.354.904.338)	(7.433.261.619)	
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	3.291.703.536	1.847.864.154	
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	
<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.10</b>	<b>55.676.195.247</b>	<b>15.270.000.000</b>	
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		55.676.195.247	15.270.000.000	
3 Đầu tư dài hạn khác	258		3.100.000.000	3.100.000.000	
4 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(3.100.000.000)	(3.100.000.000)	
<b>V Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>19.362.027.698</b>	<b>597.172.891</b>	
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	19.312.165.745	597.172.891	
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		49.861.953	-	
<b>VI Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>495.400.160.145</b>	<b>175.254.614.031</b>	



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ( Tiếp theo )**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

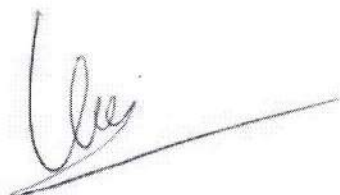
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2015	Tại ngày 01/01/2015
<b>A Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>137.043.376.392</b>	<b>58.267.610.522</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>119.502.080.952</b>	<b>58.134.316.832</b>
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	77.628.836.973	33.356.783.375
2 Phải trả người bán	312	V.13	26.296.172.487	20.774.432.468
3 Người mua trả tiền trước	313	V.14	382.413.159	1.418.882.663
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	6.467.802.278	1.181.679.132
5 Phải trả người lao động	315		3.686.088.346	925.817.082
6 Chi phí phải trả	316	V.16	555.390.000	-
9 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	4.485.377.709	476.722.112
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>17.541.295.440</b>	<b>133.293.690</b>
3 Phải trả dài hạn khác	333		188.293.690	132.293.690
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.18	17.353.001.750	1.000.000
<b>B Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>338.559.205.204</b>	<b>116.987.003.509</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>338.559.205.204</b>	<b>116.987.003.509</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	104.000.000.000
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		22.103.775	22.103.775
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		38.537.101.429	12.964.899.734
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>C Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>439</b>		<b>19.797.578.549</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>495.400.160.145</b>	<b>175.254.614.031</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
5. Ngoại tệ các loại (USD)		11.790	394,69

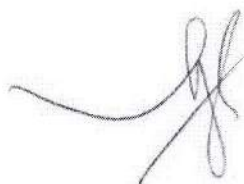
Lập, ngày 28 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu



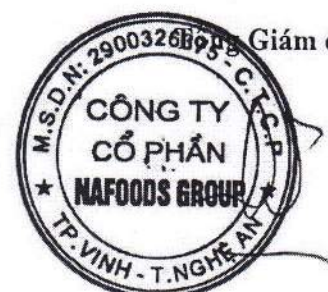
Dương Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trang

Giám đốc



Nguyễn Mạnh Hùng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Quý II Năm 2015**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
I	2	3	4		5	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.20	167.706.532.157	96.864.657.806	245.231.568.645	135.341.630.230
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.21	800.200.860	440.647.875	1.109.764.120	440.647.875
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.22	166.906.331.297	96.424.009.931	244.121.804.525	134.900.982.355
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.23	133.315.601.957	77.445.071.401	190.368.694.109	111.323.341.504
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		33.590.729.340	18.978.938.530	53.753.110.416	23.577.640.851
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.24	3.467.426.223	892.198.704	4.465.187.490	1.444.245.619
7. Chi phí tài chính	22	VI.25	2.423.577.179	955.450.991	4.857.764.439	1.787.395.009
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.404.936.677	738.245.414	4.224.485.278	1.331.257.801
8. Chi phí bán hàng	24		7.219.124.541	9.648.025.277	13.278.105.268	11.052.261.436
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.593.942.529	603.249.224	4.325.121.090	1.030.553.571
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.821.511.314	15.664.411.742	35.757.307.109	11.151.676.454
11. Thu nhập khác	31	VI.26	9.023.383.459	11.340.314	9.045.502.647	27.683.314
12. Chi phí khác	32	VI.27	-	13.059.896	8.912.134.599	25.409.745
13. Lợi nhuận khác	40		-	(1.719.582)	133.368.048	2.273.569
14. Phần lãi, lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45	VI.28	(723.804.753)	-	(723.804.753)	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		24.097.706.561	8.662.692.160	35.166.870.405	11.153.950.023

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP**

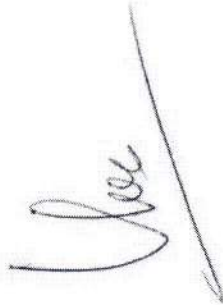
Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, P. Quán Bàu, TP. Vinh, T. Nghệ An

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
kết thúc ngày 30/06/2015

16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.29	1.688.076.203	-	2.976.952.113	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	49.861.953	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>22.409.630.358</b>	<b>8.662.692.160</b>	<b>32.239.780.245</b>	<b>11.153.950.023</b>
<i>Lợi ích của cổ đông thiểu số</i>	61		5.644.320.863	-	6.667.578.549	-
<i>Lợi ích của cổ đông Công ty</i>	62		16.765.309.495	8.662.692.160	25.572.201.695	-
<b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>70</b>	<b>VI.30</b>	<b>996</b>	<b>2.166</b>	<b>1.915</b>	<b>2.788</b>

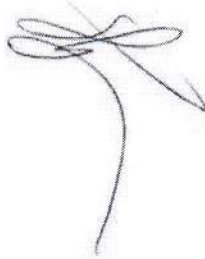
Lập, ngày 28 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu



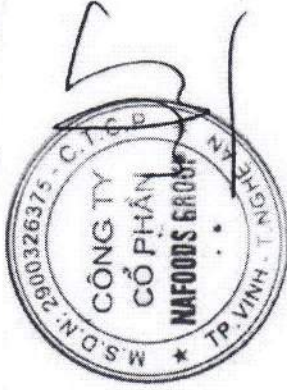
Dương Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trang

Tổng Giám đốc



Nguyễn Mạnh Hùng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Quý II Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	1	35.166.870.405	18.153.950.023
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ	2	1.293.974.892	827.999.285
- Các khoản dự phòng	3	530.519.248	-
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hoái đoái chưa thực hiện	4	125.319.887	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(4.119.753.379)	(1.444.245.619)
- Chi phí lãi vay	6	4.224.485.278	1.331.257.801
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	8	37.221.416.331	18.868.961.490
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	(130.110.032.232)	(16.475.628.551)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(21.978.801.154)	(16.234.851.671)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	13.912.999.513	18.048.727.267
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(388.148.042)	(208.995.525)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(2.744.420.892)	(1.331.257.801)
- Tiền thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	15	2.650.000	204.921.137
- Tiền chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	16	(2.742.618.535)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>	20	(106.826.955.011)	2.871.876.346
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.149.405.634)	(2.574.022.295)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	19.174.870.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(237.228.945.103)	(4.873.593.848)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	125.332.954.263	4.328.812.600
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(54.000.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.876.991	1.444.245.619
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	(148.865.649.483)	(1.674.557.924)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	196.000.000.000	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	146.326.264.519	41.715.519.936
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(84.702.209.171)	(45.013.470.487)

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP**

Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, P. Quán Bàu, TP. Vinh, T. Nghệ An

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
kết thúc ngày 30/06/2015

6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.319.233.949)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	248.304.821.399	(3.297.950.551)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50= 20+30+40)	50	(7.387.783.095)	(2.100.632.129)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	21.359.746.729	4.045.483.927
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3.089.697	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	13.975.053.331	1.944.851.798

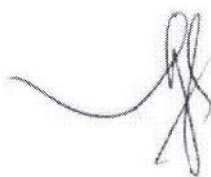
Lập, ngày 28 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu

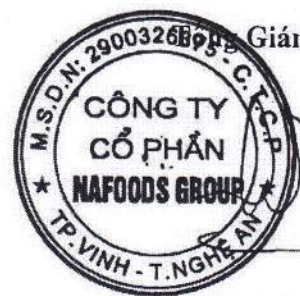


Dương Thị Thanh Huyền

Phụ trách kế toán



Nguyễn Thị Trang



Giám đốc

Nguyễn Mạnh Hùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP**

Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, P. Quán Bàu, TP. Vinh, T. Nghệ An

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
kết thúc ngày 30/06/2015**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý II Năm 2015****I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần NAFOODS GROUP (sau đây gọi tắt là "Công ty") được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900326375 lần đầu ngày 29 tháng 06 năm 2010 và Đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 27 tháng 05 năm 2015.

Trụ sở chính: Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan; phường Quán Bàu; thành phố Vinh; tỉnh Nghệ An.  
Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng.

Cơ cấu vốn điều lệ:

Cổ đông góp vốn	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	260.000.000.000	86,67
Bà Phan Thị Minh Châu	40.000.000.000	6,67
Ông Nguyễn Mạnh Cường	40.000.000.000	6,67
<b>Cộng</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>100</b>

Tổng số công ty con tại ngày hợp nhất : 02 Công ty

Số công ty con hợp nhất : 02 Công ty

Danh sách các công ty con hợp nhất :

STT	Tên Công ty	Ngày có quyền kiểm soát	Nơi thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ phân biểu quyết năm giữ (%)	Ngành nghề chính
1	Cty CP Chanh leo NAFOODS	20/01/2015	Nghệ An	65,0	65,0	Hoạt động dịch vụ trồng trọt
2	Cty CP Gác Tân Thăng	01/03/2015	Nghệ An	65,0	65,0	Trồng trọt chăn nuôi hỗn hợp; Chi tiết: trồng gác

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

- Xây dựng, thương mại và dịch vụ.

**3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Bán buôn thực phẩm;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu ( trừ gỗ, tre, nứa ) và động vật sống;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;

Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi;

- Chăn nuôi khác;

Chi tiết: Chăn nuôi bò sữa và các gia súc khác;

- Bán buôn tổng hợp

Chi tiết: Mua bán giống cây trồng, vật nuôi;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;

- Chế biến và bảo quản rau quả;

- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;

Chi tiết: Sản xuất chế phẩm sinh học

- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;

Chi tiết: Kinh doanh du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, khu Resort

- Bán buôn đồ uống;

- Sản xuất rượu vang;

- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;

- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;

- Bán buôn đồ dung khác cho gia đình;

- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật;

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;

Chi tiết: Mua bán phân bón

- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;

- Xử lý dự liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;

- Công thông tin;

- Hoạt động viễn thông khác.

## II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

- Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### 1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/ 2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ năm.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### **3. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

## **IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

### **1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

#### **Công ty con:**

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các Báo cáo tài chính của Công ty con được hợp nhất trong các Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

#### **Công ty liên kết:**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia và việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản vốn góp liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản vốn góp của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

#### **Lợi thế thương mại:**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

#### **Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất:**

Các số dư nội bộ về công nợ phải thu, phải trả nội bộ; toàn bộ thu nhập, chi phí và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.



**Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 như sau:**

**Công ty con:**

STT	Tên Công ty	Ngày có quyền kiểm soát	Nơi thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ phân biểu quyết năm giữ (%)	Ngành nghề chính
1	Cty CP Chanh leo NAFOODS	20/01/2015	Nghệ An	65,0	65,0	Hoạt động dịch vụ trồng trọt
2	Cty CP Gấc Tân Thắng	01/03/2015	Nghệ An	65,0	65,0	Trồng trọt chăn nuôi hỗn hợp; Chi tiết: trồng gấc

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

**2.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

**2.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu đó tại thời điểm báo cáo

**3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

**3.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

**3.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

**3.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**3.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**4.1. Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

**4.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

**5.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**5.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Máy móc thiết bị	05 - 15 năm
- Tài sản cố định khác	13 - 16 năm

**6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:**

**Chi phí trả trước:**

**Chi phí trả trước ngắn hạn:** là công cụ dụng cụ thuộc loại tài sản lưu động xuất dùng một lần phải phân bổ nhiều tháng trong một năm.

**Chi phí trả trước dài hạn:** Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán bao gồm:

- Chi phí công cụ dụng cụ có giá trị lớn

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 2 đến 3 năm.

**7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

**Nguyên tắc ghi nhận**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

**Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:**

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

**Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính**

**Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:** Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left( \begin{array}{l} \text{Vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế} \\ \text{Vốn chủ sở hữu thực có} \end{array} \right) \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

**Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán:** Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính cho mỗi loại chứng khoán và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán} = \left( \begin{array}{l} \text{Số lượng chứng khoán bị giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính} \\ \text{Giá chứng khoán hạch toán trên sổ kế toán} \end{array} \right) \times \left( \begin{array}{l} \text{Giá chứng khoán thực tế trên thị trường} \\ \text{Giá chứng khoán thực tế trên thị trường} \end{array} \right)$$

**8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

**9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**Nguyên tắc ghi nhận cổ tức:** Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

**10. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

**11.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

**11.2. Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

**Chi phí tài chính:**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính..

**Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:** là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.**

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:** Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh

nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**V.THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2015	Tại ngày 01/01/2015
Tiền mặt	1.311.969.566	1.339.602.546
Tiền gửi ngân hàng	12.663.083.765	20.020.144.183
- Tiền gửi VNĐ	12.607.298.387	20.009.556.970
- Tiền gửi USD	55.785.378	10.587.213
<b>Cộng</b>	<b>13.975.053.331</b>	<b>21.359.746.729</b>

**2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2015		Tại ngày 01/01/2015	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Cho vay ngắn hạn</b>		<b>5.526.911.239</b>		<b>14.757.807.823</b>
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng	-	-	-	4.090.434.500
- Bà Nguyễn Thị Minh	-	2.944.980.588	-	2.806.213.920
- Ông Phan Văn Hội	-	2.581.930.651	-	2.468.915.147
- Ông Nguyễn Đình Hùng	-	-	-	5.392.244.256
<b>Hợp tác đầu tư</b>	-	<b>138.534.031.508</b>	-	-
- Công ty CP Thực Phẩm Nghệ An (1)	-	21.939.107.553	-	-
- Công ty CP Chăn nuôi Tân Thăng (2)	-	50.126.388.889	-	-
- Công ty CP Giống NAFOODS (3)	-	36.714.510.066	-	-
- Công ty CP Đầu tư Phúc Minh (4)	-	29.754.025.000	-	-
<b>Cộng</b>		<b>144.060.942.747</b>		<b>14.757.807.823</b>

(1) - Hợp đồng hợp tác đầu tư số 157/HTĐT/NFG - TP ngày 29/06/2015 giữa Công ty CP Thực phẩm Nghệ An và Công ty CP NAFOODS GROUP số tiền: 17.400.000.000 đồng; lãi suất: 4,55%.

(2) - Hợp đồng hợp tác đầu tư số 27/HTĐT/NFG - CN ngày 10/06/2015 giữa Công ty CP Chăn nuôi Tân Thăng và Công ty CP NAFOODS GROUP số tiền: 50.000.000.000 đồng; lãi suất: 4,55%.

(3) - Hợp đồng hợp tác đầu tư số 153/HTĐT/NFG - GN ngày 17/06/2015 giữa Công ty CP Giống NAFOODS và Công ty CP NAFOODS GROUP số tiền: 17.501.397.964 đồng; lãi suất: 4,55%.  
 - Hợp đồng hợp tác đầu tư số 121/HTĐT/NFG - GN ngày 16/06/2015 giữa Công ty CP Giống NAFOODS và Công ty CP NAFOODS GROUP số tiền: 19.150.470.639 đồng; lãi suất: 4,55%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP**

Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, P. Quán Bàu, TP. Vinh, T. Nghệ An

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
kết thúc ngày 30/06/2015*(4) - Hợp đồng hợp tác đầu tư số 144/HTĐT/NFG - PM ngày 14/03/2015 giữa Công ty CP Đầu tư Phúc Minh và Công ty CP NAFOODS GROUP số tiền: 50.000.000.000 đồng; lãi suất: 4,55%.***3 Các khoản phải thu khách hàng**

	<b>Tại ngày 30/06/2015</b>	<b>Tại ngày 01/01/2015</b>
- Công ty CP Bánh kẹo ANCO	330.000.000	330.000.000
- Công ty TNHH Màu xanh đổi mới	1.260.000.000	1.260.000.000
- Công ty CP Tân Tân	4.176.437.050	4.176.437.050
- Công ty CP Đầu tư PT NN Napaga	-	375.166.570
- Nature's First INC	-	138.303
- CHABAA BANGKOK CO.,LTD (TROPFIN)	1.015.383.600	1.588.432.438
- World foods and flavors	10.800.160.331	4.336.159.666
- FLAGFOOD	10.969.486.110	8.090.915.700
- Sun Tropics INC	-	823.846.450
- PJIMPEX	1.340.602.560	-
- JV SALES	2.178.000.000	-
- SUMOL	1.764.180.000	-
- Công ty CP EDX	54.560.331.262	-
- Brecon Food Inc	-	2.355.530.015
- NATURE TOUCH	-	6.616.030.031
- Foodya	-	642.864.019
- Ray lex	-	346.558.543
- Hà Đức Toàn	150.000.000	-
- Nguyễn Tiến Dương	155.593.000	-
- Nguyễn Văn Ngọc	125.000.000	-
- Đinh Văn Thành	188.220.000	-
- Phan Thị Lệ	163.960.000	-
- Lê Công Trình	140.000.000	-
- Lưu Thế Hạnh	220.100.000	-
- Hoàng Đình Nhân	113.025.000	-
- Vũ Văn Sang	130.000.000	-
- Bùi Văn Tồn	62.500.000	-
- Cù Khắc Đềm	63.100.000	-
- Hồ Hữu Điện	60.575.000	-
- Hồ Văn Kiểm	69.725.000	-
- Hồ Văn Sự	89.675.000	-
- Hồ Văn Thắng	88.025.000	-
- Vi Văn Lợi	1.000.000.000	-
- Lô Thị Yến	1.150.000.000	-
- Lô Thị Lưu	1.300.000.000	-
- Ngân Thị Miên	1.450.000.000	-
- Lữ Văn Hưng	1.600.000.000	-
- Vi Văn Sơn	1.750.000.000	-
- Hà Thị Lan	1.900.000.000	-
- Nguyễn Minh Giáp	2.050.000.000	-
- Hà Văn Lịch	1.000.000.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP**

Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, P. Quán Bàu, TP. Vinh, T. Nghệ An

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
kết thúc ngày 30/06/2015

- Vi Văn Ngọc	1.150.000.000	-
- Ngân Văn Truyền	1.300.000.000	-
- Lo Văn Thành	1.450.000.000	-
- Ngân Thị Xuân	1.600.000.000	-
- Lương Văn Thành	1.750.000.000	-
- Mong Xuân Thành	1.900.000.000	-
- Lương Văn Tuyên	2.050.000.000	-
- Lương Xuân Tinh	1.000.000.000	-
- Lữ Quang Hiệp	1.150.000.000	-
- Vi Văn Tuấn	1.300.000.000	-
- Lương Văn Quang	1.450.000.000	-
- Lương Văn Đoàn	1.600.000.000	-
- Lương Thị Hương	1.750.000.000	-
- Hùng Văn Bình	1.900.000.000	-
- Mong Văn Nga	1.400.000.000	-
- Lương Văn Giang	800.000.000	-
- Lê Thị Tuyết	5.372.850.000	-
- Trương Thị Thành	5.268.900.000	-
- Nguyễn Xuân Quang	4.783.800.000	-
- Bùi Văn Chiến	5.574.450.000	-
- Các đối tượng khác	10.705.787.306	11.009.837.210
<b>Cộng</b>	<b>158.669.866.219</b>	<b>41.951.915.995</b>

**4 Trả trước cho người bán**

	<b>Tại ngày</b> <b>30/06/2015</b>	<b>Tại ngày</b> <b>01/01/2015</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Máy xây dựng Việt Nam	13.000.000	-
- Công ty TNHH Kinh doanh VLXD Thành Công	8.920.000	-
- Điện lực Quỳnh Lưu	17.132.653	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại Liên Thắng	13.465.202	-
- Hoàng Thị Bích Loan	29.266.000	-
- Lô Văn Thu	1.500.000.000	-
- Lữ Văn Dân	1.000.000.000	-
- Lương Văn Tuyên	813.211.250	-
- Ngân Văn Xiết	950.000.000	-
- Cty TNHH MTV Nông Sản Anh Đức	8.063.085.650	-
- DNTN Bảo Long Đức Trọng	7.456.575.555	-
- Nguyễn Tiến Dương	1.120.000	-
- Công ty TNHH TM & DV Hiền Dũng	-	-
- Công ty CP ĐT và PT Nông Nghiệp NAPAGA	-	1.727.566.500
- Công ty CP Chế biến TPXK Miền Tây	211.929.820	1.295.140.376
- Công ty TNHH Huy Linh	-	209.827.000
- Công ty CP Xây dựng Thành Trang	-	750.000.000
- Ông Nguyễn Văn Lực	-	-
- Công ty CP Đầu tư Phúc Minh	-	16.668.000.000
- Công ty TNHH Bratus	509.344.612	35.172.500

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP**

Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, P. Quán Bàu, TP. Vinh, T. Nghệ An

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
kết thúc ngày 30/06/2015

- Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	1.276.401.297	-
- Các đối tượng khác	1.544.745.149	496.890.321
<b>Cộng</b>	<b>23.408.197.188</b>	<b>21.182.596.697</b>
<b>5 Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>		
	<b>Tại ngày</b>	<b>Tại ngày</b>
	<b>30/06/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
- Công ty CP Thực phẩm NA	-	1.631.029.192
- Công ty Cổ phần tư vấn Maya - Viet	21.473.617	21.473.617
- Công ty Cổ phần Tân Tân	347.873.081	347.873.081
- Công ty TNHH Màu xanh đổi mới	400.539.000	400.539.000
- Công ty CP Chanh leo Nafoods	-	14.615.925.076
- Ông Nguyễn Đình Hùng	-	700.000.000
- Phải thu tiền ăn của CBCNV	24.044.625	-
- Ông Phạm Duy Thái	95.000.000	-
- Các đối tượng khác	676.932.804	484.652.616
<b>Cộng</b>	<b>1.565.863.127</b>	<b>18.201.492.582</b>
<b>6 Hàng tồn kho</b>		
	<b>Tại ngày</b>	<b>Tại ngày</b>
	<b>30/06/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
- Nguyên liệu, vật liệu	4.123.603.941	484.753.161
- Công cụ, dụng cụ	753.472.509	771.602.734
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	24.605.998.944	8.585.417.748
- Thành phẩm	1.297.177.190	-
- Hàng hoá	2.440.888.803	1.400.566.590
<b>Cộng</b>	<b>33.221.141.387</b>	<b>11.242.340.233</b>
<b>7 Tài sản ngắn hạn khác</b>		
	<b>Tại ngày</b>	<b>Tại ngày</b>
	<b>30/06/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
- Tạm ứng	14.424.878.964	9.851.417.810
- Tài sản thiếu chờ xử lý	47.985.071	-
<b>Cộng</b>	<b>14.472.864.035</b>	<b>9.851.417.810</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP**

Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, P. Quán Bàu, TP. Vinh, T. Nghệ An.

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
kết thúc ngày 30/06/2015**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND	
					Cộng	
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>6.919.343.288</b>	<b>13.770.367.192</b>	<b>1.851.889.992</b>	<b>6.556.771.544</b>		<b>29.098.372.016</b>
- Mua trong năm	13.519.320.000	-	63.530.000	-		13.582.850.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.350.459.727	-	-	-		1.350.459.727
- Thanh lý, nhượng bán	-	(12.932.000.000)	-	-		(12.932.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>21.789.123.015</b>	<b>838.367.192</b>	<b>1.915.419.992</b>	<b>6.556.771.544</b>		<b>31.099.681.743</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>862.087.961</b>	<b>4.526.653.725</b>	<b>624.657.143</b>	<b>1.419.862.790</b>		<b>7.433.261.619</b>
- Khấu hao trong năm	1.283.606.858	301.169.133	115.819.032	388.025.474		2.088.620.497
- Thanh lý, nhượng bán	-	(4.166.977.778)	-	-		(4.166.977.778)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.145.694.819</b>	<b>660.845.080</b>	<b>740.476.175</b>	<b>1.807.888.264</b>		<b>5.354.904.338</b>
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH</b>						
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>6.057.255.327</b>	<b>9.243.713.467</b>	<b>1.227.232.849</b>	<b>5.136.908.754</b>		<b>21.665.110.397</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>19.643.428.196</b>	<b>177.522.112</b>	<b>1.174.943.817</b>	<b>4.748.883.280</b>		<b>25.744.777.405</b>

## 9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2015	Tại ngày 01/01/2015
- Sửa chữa Hệ thống giàn Gác	1.541.183.927	-
- Sửa chữa Hệ thống nước khu chăn nuôi	79.364	-
- Xây dựng Hệ thống nước đến vùng Nguyên liệu Gác	461.466.751	-
- Khai hoang đất Tà Pàn	15.000.000	-
- Hệ thống vườn trồng gừng	19.240.000	-
- Hệ thống trồng dược liệu	383.160.945	-
- Hệ thống trồng măng Bát độ	39.325.000	-
- Trồng Gác Hà Tĩnh	302.541.185	-
- Nhà xưởng	529.706.364	213.636.364
- Dự án nhà máy bơ lạc	-	316.070.000
- Dự án trồng gấc giai đoạn 2	-	1.318.157.790
<b>Cộng</b>	<b>3.291.703.536</b>	<b>1.847.864.154</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP**

Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, P. Quán Bàu, TP. Vinh, T. Nghệ An

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
kết thúc ngày 30/06/2015**10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**  
**10.1 Đầu tư vào Công ty liên kết (\*)**

	Tại ngày 30/06/2015		Tại ngày 01/01/2015	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty CP Đầu tư Phúc Minh	240.000	1.739.196.795	240.000	2.400.000.000
- Công ty CP Dược liệu Quế Phong	1.200.000	11.999.993.400	-	-
- Công ty CP Nông nghiệp La Giang	1.200.000	11.999.993.400	-	-
- Công ty CP Chăn nuôi Tân Thắng	600.000	5.962.077.038	-	-
- Công ty CP Giống NAFOODS	2.400.000	23.974.934.615	-	-
- Công ty CP Chanh leo Nafoods	-	-	1.287.000	12.870.000.000
<b>Cộng</b>	-	<b>55.676.195.247</b>	-	<b>15.270.000.000</b>

(\*)

	Giá gốc khoản đầu tư	Lãi lỗ phát sinh	Cộng
- Công ty CP Đầu tư Phúc Minh	2.400.000.000	- 660.803.205	1.739.196.795
- Công ty CP Dược liệu Quế Phong	12.000.000.000	- 6.600	11.999.993.400
- Công ty CP Nông nghiệp La Giang	12.000.000.000	- 6.600	11.999.993.400
- Công ty CP Chăn nuôi Tân Thắng	6.000.000.000	- 37.922.962	5.962.077.038
- Công ty CP Giống NAFOODS	24.000.000.000	- 25.065.385	23.974.934.615





**CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP**  
Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, P. Quán Bàu, TP. Vinh, T. Nghệ An  
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

kết thúc ngày 30/06/2015

Thông tin chi tiết các Công ty liên kết tại ngày 30/06/2015 như sau:

STT	Tên Công ty	Vốn chủ sở hữu	Nơi thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ phần biểu quyết năm giữ (%)	Ngành nghề chính
1	Công ty CP Đầu tư Phúc Minh	6.000.000.000	Hà Nội	40,0	40,0	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.
2	Công ty CP Dược liệu Quê Phong	40.000.000.000	Nghệ An	30,0	30,0	Trồng cây gia vị, cây dược liệu.
3	Công ty CP Nông nghiệp La Giang	40.000.000.000	Nghệ An	30,0	30,0	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp.
4	Công ty CP Chăn nuôi Tân Thắng	20.000.000.000	Nghệ An	30,0	30,0	Chăn nuôi khác; Chi tiết: Chăn nuôi bò sữa và các gia súc khác.
5	Công ty CP Giống NAFOODS	60.000.000.000	Nghệ An	40,0	40,0	Nhân và chăm sóc giống, Hoạt động dịch vụ trồng trọt

**10.3. Đầu tư dài hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2015		Tại ngày 01/01/2015	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	310.000	3.100.000.000	310.000	3.100.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(3.100.000.000)	-	(3.100.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>310.000</b>	<b>-</b>	<b>310.000</b>	<b>-</b>

**11 Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày 30/06/2015	Tại ngày 01/01/2015
- CCDC xuất dùng	2.196.789.082	349.492.395
- Chi phí khác	-	247.680.496
- Chi phí chuyển giao công nghệ	5.456.313.102	-
- Chi phí khai hoang	1.339.394.512	-
- Chi phí đền bù đất	1.187.500.002	-
- Chi phí kiến thiết vườn ươm	223.505.555	-
- Chi phí kiến thiết vườn chanh leo	1.950.945.201	-
- Hệ thống giàn chanh leo	870.615.331	-
- Hệ thống phun sương	927.510.004	-
- Hệ thống tưới tiêu vườn cây	835.338.730	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP**  
 Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, P. Quán Bàu, TP. Vinh, T. Nghệ An  
**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

		kết thúc ngày 30/06/2015	
	- Nhà ở công nhân	225.400.650	-
	- Chi phí sử dụng đất	3.864.532.912	-
	- Chi phí khác	234.320.664	-
	<b>Cộng</b>	<b>19.312.165.745</b>	<b>597.172.891</b>

**12 Vay và nợ ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2015	Tại ngày 01/01/2015
<b>Vay ngắn hạn VNĐ</b>		
- Bà Phan Thị Lệ Thu	-	1.741.852.675
<b>Vay ngắn hạn USD</b>		
- NH TMCP Ngoại thương Nghệ An (**)	77.628.836.973	31.614.930.700
- NH TMCP Đại chúng Việt Nam	60.858.036.973	29.932.000.000
- Quỹ Fund (*)	-	1.682.930.700
- WAST CO	16.552.800.000	-
	218.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>77.628.836.973</b>	<b>33.356.783.375</b>

(\*) - Hợp đồng vay số tiền: 1.000.000 USD, ngày giải ngân: 13/03/2015, ngày đáo hạn: 30/11/2015, Lãi suất: 8,5%/ Năm

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP**

Số 47 Nguyễn Cảnh Hoàn, P. Quán Bàu, TP. Vinh, T. Nghệ An

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
kết thúc ngày 30/06/2015

(\*\*) - Chi tiết như sau:

STT	Số tài khoản vay	Kỳ hạn (tháng)	Ngày giải ngân	Ngày đến hạn	Số tiền (USD)	Lãi suất (năm)	Tài sản thế chấp
1	107370062311	6	05/02/2015	05/08/2015	39.500	3,8	
2	107370062476	6	11/02/2015	11/08/2015	109.000	3,8	
3	107370062494	6	12/02/2015	12/08/2015	78.700	3,8	
4	107370062522	6	13/02/2015	13/08/2015	21.000	3,8	- Tài sản gắn liền với đất theo GCN quyền SD đất số BR 298632 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 23/10/2013.
5	107370062568	6	13/02/2015	13/08/2015	98.400	3,8	
6	107370062586	6	24/02/2015	24/08/2015	50.000	3,8	
7	107370062623	6	26/02/2015	26/08/2015	25.000	3,8	- Tài sản gắn liền với đất theo GCN quyền SD đất số BM 621539 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 18/06/2013.
8	107370062678	6	27/02/2015	27/08/2015	38.000	3,8	
9	107370062733	6	05/03/2015	07/09/2015	31.400	3,8	
10	107370062926	6	13/03/2015	14/09/2015	17.300	3,8	
11	107370062944	6	16/03/2015	16/09/2015	321.700	3,8	- Tài sản gắn liền với đất theo GCN quyền SD đất số BD 691956 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 11/01/2012 của Nguyễn Thị Hồng.
12	107370063720	6	07/05/2015	09/11/2015	141.000	3,8	
13	107370063885	6	15/05/2015	16/11/2015	111.500	3,8	
14	107370063968	6	20/05/2015	20/11/2015	218.000	3,8	- Máy móc thiết bị, dây chuyền chanh leo IQF máy phát điện.
15	107370064029	6	22/05/2015	23/11/2015	77.300	3,8	- 01 Ô tô Toyota Fortuner.
16	107370064515	6	17/06/2015	17/12/2015	459.347	3,8	
17	107370064551	6	18/06/2015	18/12/2015	286.400	3,8	- 01 Ô tô Mitsubishi Triton.
18	107370064643	6	24/06/2015	24/12/2015	20.300	3,8	
19	107370064670	6	25/06/2015	25/12/2015	48.000	3,8	
20	107370064735	6	29/06/2015	29/12/2015	49.000	3,8	- Các tài sản khác.
21	Các khoản vay ngắn hạn khác						

**13 Phải trả người bán**

	Tại ngày 30/06/2015	Tại ngày 01/01/2015
- Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	6.570.977.318	-
- Cty TNHH MTV TM Nghĩa Đức Đắk Nông	1.293.985.750	-
- Cty TNHH SX&TM Phú Sinh	218.560.086	-
- Công ty TNHH Xuân Hoàng Lam	170.336.483	-
- Công ty CP DV VT&TM Châu Cường	727.800.000	-
- Công ty CP TM&DV Nhất Hoàng Gia	478.400.000	-
- Công ty TNHH DV VT Mai Gia Huy	210.560.080	-
- Công ty TNHH MTV Thuận Tâm Đắk Nông	1.777.520.294	-
- Công ty TNHH TM VT Bảo Trang	693.813.300	-
- Công ty TNHH Bá Trai	1.014.006.682	-
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An	754.000.771	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Thành Trang	520.459.727	-
- Viện Tài nguyên và Môi trường Đông Nam Á	142.180.000	-
- Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	-	731.060.000
- Công ty TNHH Nước giải khát Delta	4.884.082.539	3.159.988.821
- Công ty CP ĐT và Giao thông vận tải Toàn Cầu	1.680.284.674	1.605.314.072
- Công ty TNHH Bá Trai	148.515.835	941.381.515
- Công ty TNHH TMDV & KT Trọng Tín	-	313.896.560
- DNTN Bảo Long Đức Trọng	-	3.138.157.186
- Công ty CP DV VT và TM Châu Cường	-	741.097.655
- Công ty CP TM và DV Nhất Hoàng Gia	-	708.200.000
- Công ty TNHH Nghĩa Đức Đắk Nông	-	2.345.053.971
- Ông Nguyễn Minh Khôi	563.512.560	1.703.592.560
- Ông Nguyễn Tiến Dương	1.728.237.300	1.001.179.000
- Ông Nguyễn Dư Khánh Ngân	536.040.309	879.167.829
- Cơ sở thu mua Nông sản Thuận Lâm	-	1.635.819.715
- Công ty CP Đầu tư VSC Việt Nam	439.992.000	-
- Các đối tượng khác	1.742.906.779	1.870.523.584
<b>Cộng</b>	<b>26.296.172.487</b>	<b>20.774.432.468</b>

**14 Người mua trả tiền trước**

	Tại ngày 30/06/2015	Tại ngày 01/01/2015
- PODALIM	23.327.897	23.475.028
- FLAGFOOD	-	-
- SUE YIN ASIA	-	-
- Cty TNHH XNK TM FIT Việt Nam	125.127.194	125.127.194
- ZENA EXOTIC FRUITS	-	1.254.769.252
- Tradex oceania LTD	146.310.300	-
- Các đối tượng khác	-	15.511.189
	87.647.768	-
<b>Cộng</b>	<b>382.413.159</b>	<b>1.418.882.663</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP**

Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, P. Quán Bàu, TP. Vinh, T. Nghệ An

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
kết thúc ngày 30/06/2015**15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2015	Tại ngày 01/01/2015
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.627.321.009	605.829.190
- Thuế thu nhập cá nhân	3.403.646.769	59.040.526
- Tiền thuê đất	425.151.500	514.407.000
- Các loại thuế khác	11.683.000	2.402.416
<b>Cộng</b>	<b>6.467.802.278</b>	<b>1.181.679.132</b>

**16 Chi phí phải trả**

	Tại ngày 30/06/2015	Tại ngày 01/01/2015
- Lãi vay phải trả	555.390.000	-
<b>Cộng</b>	<b>555.390.000</b>	<b>-</b>

**17 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2015	Tại ngày 01/01/2015
Kinh phí công đoàn	69.431.589	20.019.637
BHXH	56.228.053	-
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	4.359.718.067	456.702.475
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng	-	45.486.004
- Ông Nguyễn Cao Cường	35.429.111	122.519.112
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An	214.000.000	-
- Phải trả đối tượng khác	4.110.288.956	288.697.359
<b>Cộng</b>	<b>4.485.377.709</b>	<b>476.722.112</b>

**18 Vay và nợ dài hạn**

	Tại ngày 30/06/2015	Tại ngày 01/01/2015
Vay dài hạn Ngân hàng	17.274.001.750	-
- Ngân hàng Vietcombank - CN Vinh	17.274.001.750	-
Vay dài hạn cá nhân	79.000.000	1.000.000
- Ông Nguyễn Văn Thành	5.000.000	-
- Ông Phạm Ngọc Hải	5.000.000	-
- Ông Vương Đình Tuấn	-	1.000.000
- Các cá nhân khác	69.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>17.353.001.750</b>	<b>1.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP**

Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, P. Quán Bàu, TP. Vinh, T. Nghệ An

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
thức ngày 30/06/2015**19. Vốn chủ sở hữu****19.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	1	6	7	8
<b>A</b>				
- Số dư đầu năm trước	40.000.000.000	22.103.775	- 5.636.213.836	34.385.889.939
- Tăng vốn trong năm trước	64.000.000.000	-	-	64.000.000.000
- Lãi tăng trong năm trước	-	-	18.601.113.570	18.601.113.570
- Số dư cuối năm trước	104.000.000.000	22.103.775	12.964.899.734	116.987.003.509
- Số dư đầu năm nay	104.000.000.000	22.103.775	12.964.899.734	116.987.003.509
- Tăng vốn năm nay	196.000.000.000	-	-	196.000.000.000
- Lãi tăng trong năm nay	-	-	25.572.201.695	25.572.201.695
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>22.103.775</b>	<b>38.537.101.429</b>	<b>338.559.205.204</b>

**19.2. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2015	Tại ngày 01/01/2015
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng	260.000.000.000	96.000.000.000
- Ông Nguyễn Mạnh Cường	20.000.000.000	4.000.000.000
- Bà Phan Thị Minh Châu	20.000.000.000	4.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>104.000.000.000</b>

**19.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300.000.000.000	40.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	104.000.000.000	40.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	196.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm cuối năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	300.000.000.000	40.000.000.000

**19.4. Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/06/2015	Tại ngày 01/01/2015
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	10.400.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán cho công chúng	30.000.000	10.400.000
+ Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	10.400.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	10.400.000
+ Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	10.400.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

**19.5. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Tại ngày 30/06/2015	Tại ngày 01/01/2015
- Quỹ dự phòng tài chính	22.103.775	22.103.775

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**20 Doanh thu**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	245.231.568.645	135.341.630.230
<b>Cộng</b>	<b>245.231.568.645</b>	<b>135.341.630.230</b>

**21 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
Hàng bán bị trả lại	1.109.764.120	440.647.875
<b>Cộng</b>	<b>1.109.764.120</b>	<b>440.647.875</b>

**22 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	244.121.804.525	134.900.982.355
<b>Cộng</b>	<b>244.121.804.525</b>	<b>134.900.982.355</b>

**23 Giá vốn hàng bán**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	190.368.694.109	111.323.341.504
<b>Cộng</b>	<b>190.368.694.109</b>	<b>111.323.341.504</b>

**24 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.884.835.986	1.444.245.619
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	130.615.798	-
- Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	449.735.706	-
- Doanh thu khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.465.187.490</b>	<b>1.444.245.619</b>

**25 Chi phí tài chính**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
- Chi phí lãi vay	4.224.485.278	1.331.257.801
- Lãi bảo lãnh thế chấp	18.115.647	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP**

Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, P. Quán Bàu, TP. Vinh, T. Nghệ An

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

kết thúc ngày 30/06/2015

- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	259.025.382	-
- Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	356.138.132	-
- Chi phí tài chính khác	-	456.137.208
<b>Cộng</b>	<b>4.857.764.439</b>	<b>1.787.395.009</b>
<b>26 Thu nhập khác</b>		
	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014</b>
- Phạt vi phạm hợp đồng	22.102.950	15.000.000
- Phạt CBNV vi phạm qui định	-	6.303.500
- Thanh lý trang thiết bị	9.000.000.000	-
- Bán phế liệu	2.650.000	-
- Thu nhập khác	20.749.697	6.379.814
<b>Cộng</b>	<b>9.045.502.647</b>	<b>27.683.314</b>
<b>27 Chi phí khác</b>		
	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014</b>
- GTCL Tài sản thanh lý	8.765.022.222	-
- Các khoản chậm nộp, phạt	45.192.487	-
- Xử lý công nợ lẻ	63.149.235	-
- Chi phí khác	38.770.655	25.409.745
<b>Cộng</b>	<b>8.912.134.599</b>	<b>25.409.745</b>
<b>28 Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh</b>		
	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014</b>
- Công ty CP Đầu tư Phúc Minh	(660.803.205)	-
- Công ty CP Dược liệu Quế Phong	(6.600)	-
- Công ty CP Nông nghiệp La Giang	(6.600)	-
- Công ty CP Chăn nuôi Tân Thắng	(37.922.962)	-
- Công ty CP Giống NAFOODS	(25.065.385)	-
<b>Cộng</b>	<b>(723.804.753)</b>	<b>-</b>
<b>29 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
<b>Chi tiêu</b>	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014</b>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.976.952.113	-

**30 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	32.239.780.245	11.153.950.023
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ	32.239.780.245	-
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	16.833.333	4.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.915</b>	<b>2.788</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giá trị giao dịch (VND)	
		Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
<b>Hợp tác đầu tư</b>			
Công ty CP Chăn nuôi Tân Thắng	Công ty liên kết	50.027.777.778	-
Công ty CP Giống Nafoods	Công ty liên kết	36.665.635.958	-
Công ty CP Đầu tư Phúc Minh	Công ty liên kết	116.385.500.000	-
<b>Thu hồi các khoản hợp tác đầu tư</b>			
Công ty CP Đầu tư Phúc Minh	Công ty liên kết	88.000.000.000	-
<b>Người bán trả lại tiền</b>			
Công ty CP Đầu tư Phúc Minh	Công ty liên kết	16.668.000.000	-

Cho đến ngày lập báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tại ngày 30/06/2015	Tại ngày 01/01/2015
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>			
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc	-	4.090.434.500
<b>Phải thu khác</b>			
Công ty CP Chăn nuôi Tân Thắng	Công ty liên kết	50.027.777.778	-
Công ty CP Giống Nafoods	Công ty liên kết	36.665.635.958	-
Công ty CP Đầu tư Phúc Minh	Công ty liên kết	28.385.500.000	700.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP**

Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, P. Quán Bàu, TP. Vinh, T. Nghệ An

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

kết thúc ngày 30/06/2015

<b>Trả trước người bán</b>			
Công ty CP Đầu tư Phúc Minh	Công ty liên kết	-	16.668.000.000

**2. Công cụ tài chính****2.1. Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm : Vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**2.2. Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>
- Tiền, các khoản tương đương tiền	13.975.053.331	13.975.053.331
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	144.060.942.747	144.060.942.747
- Đầu tư tài chính dài hạn	58.776.195.247	55.676.195.247
- Các khoản phải thu khách hàng	158.669.866.219	152.903.429.169
- Trả trước cho người bán	23.408.197.188	23.408.197.188
- Phải thu khác	1.565.863.127	812.409.379

**2.3. Công nợ tài chính**

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo dung quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay, phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

	<b>Tại ngày 30/06/2015</b>
- Vay và nợ ngắn hạn dài hạn	94.981.838.723
- Phải trả người bán	26.296.172.487
- Người mua trả tiền trước	382.413.159
- Chi phí phải trả	555.390.000
- Phải trả khác	4.485.377.709

**2.4. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Đối tượng	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
- Phải trả người bán	26.296.172.487	-	26.296.172.487
- Người mua trả trước	382.413.159	-	382.413.159
- Chi phí phải trả	555.390.000	-	555.390.000
- Phải trả khác	4.485.377.709	-	4.485.377.709
- Vay ngắn hạn	77.628.836.973	-	77.628.836.973
- Vay dài hạn	-	17.353.001.750	17.353.001.750

**3. Thông tin so sánh**

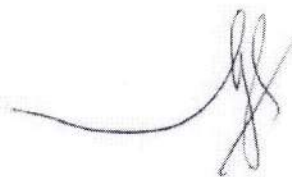
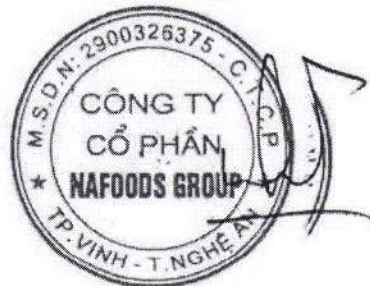
Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty CP NAFOODS GROUP năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K.

Lập, ngày 28 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

**Dương Thị Thanh Huyền**

**Nguyễn Thị Trang**

**Nguyễn Mạnh Hùng**